

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 26/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước  
thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 13 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của  
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,  
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Thủ  
tướng Chính phủ về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân  
sách nhà nước do Bộ Xây dựng quản lý;*

*Xét Tờ trình số 849/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự  
nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn  
tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân  
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục dịch vụ sự nghiệp  
công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao  
Bằng (Chi tiết tại danh mục kèm theo).



**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, Kỳ họp thứ 13 (*chuyên đề*) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *g/v*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HEND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Triệu Đình Lê**



**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH CAO BẰNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước                                                                                                                                                               |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>                                                                                                                                                                                    |
| 1.        | Lập các đồ án quy hoạch theo phân cấp                                                                                                                                                                               |
| 1.1       | <i>Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện</i>                                                                                                                                                               |
| 1.2       | <i>Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị</i>                                                                                                                                               |
| 1.3       | <i>Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng.</i>                                                                                                                                       |
| 1.4       | <i>Quy hoạch xây dựng nông thôn</i>                                                                                                                                                                                 |
| 1.5       | <i>Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (Cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, cây xanh, chiếu sáng)</i>                                                                                                    |
| 2         | Nghiên cứu thiết kế điển hình, thiết kế mẫu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng                                                                                                                  |
| 3         | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                |
| 4         | Thu thập dữ liệu, Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh                                       |
| 5         | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý về hệ thống định mức, giá xây dựng, giá ca máy, giá thuê máy, giá nhân công, giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá và suất đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh |
| <b>II</b> | <b>DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ</b>                                                                                                                                                    |
| 1         | Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng                                                                                                                         |
| 2         | Xây dựng các định mức, đơn giá về dịch vụ hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng, ban hành khung giá cho thuê, thuê mua nhà ở theo quy định.                                                                                    |
| 3         | Xây dựng bộ đơn giá xây dựng công trình; bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị                                                                                                                                         |
| 4         | Khảo sát, xác định đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy, thiết bị thi công xây dựng; giá vật liệu xây dựng; xây dựng chỉ số giá xây dựng công trình                                                               |





|            |                                                                                                                                                                                                 |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5          | Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; khu vực phát triển đô thị; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở                                                                           |
| 6          | Công tác giám định, kiểm định xây dựng                                                                                                                                                          |
| 6.1        | <i>Giám định chất lượng; giám định tư pháp trong hoạt động xây dựng</i>                                                                                                                         |
| 6.2        | <i>Kiểm định xây dựng: thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình</i>                                                                      |
| <b>III</b> | <b>DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>                                                                                                                                              |
| 1          | Tổ chức thực hiện: Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu; kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh; các dự án cải thiện môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh. |

Th